

Số: 20/QĐ-GDQP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2461/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hậu cần - Tài chính - Kỹ thuật;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán năm 2026 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hậu cần - Tài chính - Kỹ thuật và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, HCTCKT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Đại Thắng

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-GDQP ngày /01/2026 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng		
STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	TỔNG SỐ THU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
1	Tổng số thu	75.940
	- Học phí	
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh	75.940
	- Hoạt động tài chính	950
	- Dịch vụ khác	
2	Chi từ nguồn thu được để lại	48.797
	- Học phí	-
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh	48.797
	- Hoạt động tài chính	100
	- Dịch vụ khác	-
3	Số nộp NSNN	-
	- Từ nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh	-
	- Từ nguồn thu khác	-
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
B.1	Vốn trong nước	3.000
I	Giáo dục, đào tạo	3.000
1	Loại 070 - khoản 074	-
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	
2	Loại 070 - khoản 081	3.000
2.1	Kinh phí thường xuyên	-
2.2	Kinh phí không thường xuyên(*)	3.000
3	Loại 070 - khoản 082	-
3.1	Kinh phí thường xuyên	-
3.2	Kinh phí không thường xuyên	-
II	Khoa học và Công nghệ	-
1	Loại 100- khoản 101	-
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-
1.2	Kinh phí thường xuyên	
1.3	Kinh phí không thường xuyên	
2	Loại 100 - khoản 102	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí thường xuyên	
2.3	Kinh phí không thường xuyên	
3	Loại 100 - khoản 103	-
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
3.2	Kinh phí thường xuyên	
3.3	Kinh phí không thường xuyên	
III	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
1	Loại 250 - khoản 251	-
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	
IV	Đào tạo học sinh Lào - Campuchia	-
1	Loại 400 - khoản 402	-
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	
B.2	Vốn ngoài nước	-
I	Giáo dục, đào tạo	-
1	Loại 070 - khoản 081	-
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	

(*): Kinh phí không thường xuyên bao gồm: mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp.